

Chị và anh Đỗ Hữu Anh T tự nguyện quen biết, tìm hiểu và yêu thương nhau từ tháng 02 năm 2014 đến tháng 11 năm 2014 thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 13, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 103, quyền số 01/2014 ngày 04 tháng 11 năm 1914. Chị và anh T chung sống hạnh phúc cho đến tháng 4 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, tính

tình không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Chị và anh T đã nhiều lần hàn gắn nhưng không đạt kết quả, không giải quyết được mâu thuẫn. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 04 năm 2019 cho đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bích N yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Hữu Anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho anh Đỗ Hữu Anh T và giấy triệu tập ông Tuấn đến Tòa án để ghi nhận ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông Tuấn vắng mặt. Tòa án tiến hành tổng đạt Thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông Tuấn nhưng ông Tuấn không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và cũng không có ý kiến về các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Lê Thị Bích N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Hữu Anh T. Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn anh Đỗ Hữu Anh T vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do bị đơn vắng mặt không tham gia phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cho thấy, chị N và anh T đã phát sinh mâu thuẫn mà không thể giải quyết, hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị Bích N. Cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê

Thị Bích N được ly hôn với anh Đỗ Hữu Anh T; Về con chung: Chị N và anh T không có con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn nên không xem xét.

Về án phí sơ thẩm thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị Bích N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đỗ Hữu Anh T, đây là quan hệ: “Tranh chấp ly hôn”. Bị đơn cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Anh Đỗ Hữu Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Tuấn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 103, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân Phường 13, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04 tháng 11 năm 2014, xác định hôn nhân giữa chị Lê Thị Bích N và anh Đỗ Hữu Anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Bích N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau. Chị N trình bày giữa chị và anh Đỗ Hữu Anh T bất đồng quan điểm sống, phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Chị N và anh T đã nhiều lần hàn gắn để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Về phía anh T, Tòa án đã triệu tập ông Tuấn tham gia các phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho chị N và anh T hàn gắn đoàn tụ nhưng ông Tuấn vẫn không có mặt thể hiện ông Tuấn không có thiện chí giải quyết những mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Ngân.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngân.

Về con chung: Chị N và anh T không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

#### **1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bích N được ly hôn với anh Đỗ Hữu Anh T (Giấy chứng nhận kết hôn số 103, quyển số 01/2014 giữa chị Lê Thị Bích N và anh Đỗ Hữu Anh T do Ủy ban nhân dân Phường 13, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04 tháng 11 năm 14 hết hiệu lực).

Về con chung: Chị Lê Thị Bích N và anh Đỗ Hữu Anh T không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

**2. Án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng** chị Lê Thị Bích N phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0047138 ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

**3. Về quyền kháng cáo:** Chị Lê Thị Bích N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Hữu Anh T được quyền kháng

cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- VKSND quận Gò Vấp, TP.HCM;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp, TP.HCM;
- UBND Phường 13, Q. Gò Vấp, TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phan Thị Mộng Tuyền**